TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐ-ST ngày 06/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Văn C**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn C trình bày: Vào năm 1982, ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cải vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không mang lại kết

quả, tình cảm vợ chồng không còn nên ông C xin ly hôn với bà Th. Ông C và bà Th chung sống có 03 con chung tên Võ Thạnh L, sinh năm 1983, Võ Thị Hồng G, sinh năm 1985 và Võ Hồng L2, sinh năm 1987, hiện nay các con đều đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Ông C không yêu cầu giải quyết tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 85, Điều 87, khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn C, cho ông C ly hôn với bà Th; về con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa nguyên đơn ông Võ Văn C và bị đơn bà Nguyễn Thị Th. Bị đơn bà Th đang cư trú tại Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án tống đạt đúng và đầy đủ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Th không đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay cung cấp lời khai cho Tòa án. Bà Th được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của ông C và Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 16/01/2023, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1982, nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ vợ chồng của ông C và bà Th được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Th theo tinh thần quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội là hôn nhân thực tế, hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông C xác định vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cải vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mâu Thẫn ngày càng trầm trọng không có khả năng hàn gắn nên ông C xin ly hôn với bà Th. Còn bà Th thì không đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không cung cấp lời khai, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C. Mặc khác, cũng theo Biên bản xác minh ngày 16/01/2023, chính quyền địa phương xác định lý do mâu Thẫn dân đến việc xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do đó, có đủ xác định vợ chồng ông C và bà Th chung sống xảy ra mâu Thẫn là có thật trên thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng ông C và bà Th chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng không giải quyết được với nhau, vợ chồng không còn tự nguyện chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm Điều 2 và Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà Th đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho ông C được ly hôn với bà Th là phù hợp.

[4] Về con chung: Nguyên đơn ông Võ Văn C xác định vợ chồng chung sống có 03 con chung là Võ Thạnh L, sinh năm 1983, Võ Thị Hồng G, sinh năm 1985 và Võ Hồng L2, sinh năm 1987. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung của ông C và bà Th hiện nay đều đã đủ tuổi trưởng thành, ông C không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà Th về việc giải quyết đối với con chung, nên không xem xét, giải quyết.

[5]Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu giải quyết tài sản chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà Th về giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung ông C xác định không có nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà Th về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Võ Văn C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn C đối với bà Nguyễn Thị Th. Cho ông Võ Văn C được ly hôn bà Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: 03 con chung là Võ Thạnh Lợi, sinh năm 1983, Võ Thị Hồng Gấm, sinh năm 1985 và Võ Hồng Lụa, sinh năm 1987 hiện nay đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Võ Văn C không yêu cầu giải quyết và bà Nguyễn Thị Th cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Võ Văn C xác định không có nợ chung và bà Nguyễn Thị Th cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Võ Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai Th số 0004631 ngày 13/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển Th án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, ông C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt